TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1206/2024/HC-PT
Ngày 22-11-2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 10 và ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 687/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2150/2022/HC-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2999/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Công P, sinh năm 1931, Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Vân T, sinh năm 1966. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

+ Ông Trần L, sinh năm 1952. Địa chỉ: C U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt ngày 22/10/2024, vắng mặt ngày 22/11/2024).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; (xin vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hoàng T1; (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Hoàng Văn H, chức vụ: Phó trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T; (có mặt).

+ Ông Lê Nguyễn Trọng Q, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố Thủ Đức; (vắng mặt ngày 22/10/2024, có mặt ngày 22/11/2024).

+ Ông Nguyễn Đức L1, chức vụ: Công chức địa chính xây dựng đô thị và môi trường Phường L, thành phố T; (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1945. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Vân T, sinh năm 1966. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

+ Ông Trần L, sinh năm 1952. Địa chỉ: C U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt ngày 22/10/2024, vắng mặt ngày 22/11/2024).

2. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

3. Ông Trần Anh T4, sinh năm 1972. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (chết ngày 06/9/2024).

4. Bà Trần Thị K, sinh năm 1982. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

5. Ông Huỳnh Thanh H1, sinh năm 2005. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

6. Ông Trần Anh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

7. Bà Trần Thị Hương L2, sinh năm 1990. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

8. Ông Trần Anh T5, sinh năm 1974. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

9. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1970. Địa chỉ: 2 đường số C, khu phố P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Trần Công P là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2021 và ngày 12/01/2022, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Vân T trình bày: Năm 1979, ông Trần Công P nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn D phần đất trống, sau đó cất nhà và sử dụng ôn định cho đến nay. Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 2536/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P, địa chỉ: 1 T, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong dự án đầu tư xây dựng công viên lịch sử văn hóa dân tộc (khu IV) tại phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó ông được bồi thường 751.907.000 đồng và tái định cư 02 nền đất. Ông P đã nhận tiền và nền đất nhưng chưa bàn giao nhà. Ông cho rằng Ủy ban nhân dân Quận I, nay là Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng không đúng luật Đất đai, dự án chưa thực hiện nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân đã yêu cầu cưỡng chế buộc giao đất là không dúng. Ông P yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P; hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P; hủy Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh gia hạn thời hạn thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố T thực hiện đúng các trình tự, thủ tục thu hồi đất do pháp luật quy định.

Ông Trần L trình bày: Ông T là đại diện của ông Trân Công P1 và bà Lê Thị T2, ông thống nhất với ý kiến của ông P1, bà T2 do ông T trình bày, ông bổ sung rằng việc thu hồi đất của ông P1 mà không có quyết định thu hồi đất là không đúng pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt, tại Văn bản ý kiến số 3007/UBND-TNMT ngày 23/5/2022 trình bày: Ngày 20/5/1998 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 426/QĐ-TTg, theo đó, thu hồi 3.811.020m^2 và giao đất cho Công ty Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H để đầu tư xây dựng Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc tại phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời giao Ủy ban nhân dân Thành phố H hướng dẫn thực hiện việc đền bù thiệt hại cho các chủ sử dụng đất có đất bị thu hồi, giải tỏa mặt bằng đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.

Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 2536/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P trong Dự án đầu tư xây dựng C (khu IV) tại phường L với số tiên là 751.907.000 đồng và 02 nền đất tái định cư. Ông P đã nhận tiền ngày 12/01/2010, và ngày 28/01/2010, Ban Q bàn giao nền đất xây dựng nhà ở (số L) trong Khu tái định cư L, phường L cho hộ ông Trần Công P.

Ngày 22/3/2010, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 263/QĐ-U về việc hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng cho hộ ông Trần Công P là

376.659.000 đồng, ông P đã nhận tiền ngày 27/4/2011. Như vậy, hộ ông P đã được giải quyết đầy đủ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản trình bày: Hộ ông Trần Công P đã được giải quyết đầy đủ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Mặc dù đã được vận động, thuyết phục nhưng ông P không thực hiện việc bàn giao nhà đất để thực hiện dự án nên ngày 17/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P, ngày 28/6/2021 và ngày 11/02/2022, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố T ban hành các quyết định số 3136/QĐ-UBND và số 949/QĐ-UBND về gia hạn quyết định cưỡng chế để tiếp tục vận động, thuyết phục người bị thu hồi đất phối hợp thực hiện, tự nguyện bàn giao mặt bằng nhưng không nhận được sự đồng thuận của hộ ông P. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị T2 có ông Nguyễn Vân T đại diện trình bày: Bà T2 là vợ của ông P, thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông P.

Bà Trần Thị T3, ông Trần Anh T4, bà Trần Thị K, ông Huỳnh Thanh H3, ông Trần Anh Đ, bà Trần Thị Hương L2 có đơn xin vắng mặt, có lời khai như sau: Nhà và đất thửa 452-2 tờ bản đồ số 28, phường L là tài sản của ông P bà T2. Các ông bà không có ý kiến.

Ông Trần Anh T5, Trần Thị H2 có đơn xin vắng mặt, có lời khai như sau: Ông bà thống nhất ý kiến của ông P, bà T2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày: Nhà đất do hộ ông P sử dụng thuộc dự án đầu tư xây dựng C văn hóa dân tộc tại phường L, Quận I nên Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P là đúng quy định. Ông Trần Công P đã nhận các chính sách bôi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định nhưng không bàn giao mặt bằng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I trước đây và sau này là thành phố T ban hành các quyết định: Quyết định số 147/QĐ-UB ND ngày 17722029 vê việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P; Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 và Quyết định số 949/QĐ-UBND và ngày 11/02/2022 về gia hạn quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Trần Công P là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2150/2022/HC-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P trong Dự án đầu tư xây dựng C (khu

IV) tại phường L, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công P về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I nay là thành phô T, Thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P;

- Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của ông Trần Công P đề ngày 14/01/2023 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 2150/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Công P thay đổi yêu cầu kháng cáo sửa án, hủy các quyết định hành chính bị kiện và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường đất cho đúng pháp luật. Yêu cầu hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P không đúng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I không ban hành quyết định thu hồi đất đến hộ gia đình, cá nhân, tên quyết định 147 cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất không đúng tiêu đề sai không phù hợp khoản 1 điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 2536/QĐ-U ngày 21/10/2009 công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng văn bản pháp luật hết thời hiệu gồm Luật Đất đai năm 1993, Nghị định 22/1998/NĐ-CP, Quyết định 31/2003, Quyết định 35/QĐ-UBND ngày 13/3/2003 của UBND Thành phố H phải căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định 69/NĐ-CP để áp dụng bồi thường mới đúng, không áp dụng khoản 2 Điều 50 Nghị định 97/NĐ-CP được do trình tự thu hồi không đúng, không có quyết định thu hồi thì làm sao có quyết định thu hồi đất? Quyết định 426/QĐ-TTg chỉ thu hồi đất khu I, Khu II nhưng quyết định 2536 lại thu hồi cả khu IV có phần đất của ông P là không đúng; Ủy ban nhân dân Thành phố H chưa hướng dẫn chủ đầu tư lập dự án đầu tư xây dựng trình Chính phủ phê duyệt theo khoản 2 Điều 2 Quyết định 426/QĐ-TTg và phải áp dụng theo Điều 26 Luật Đất đai năm 2003, Điều 45 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 3136/QD-UBND ngày 28/6/2021 và Quyết định số 949/QĐ-UBND và ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 trái pháp luật, vượt thẩm quyền theo khoản 4 Điều 27 Luật Đất đai năm 2003.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Phần đất 998m^2 của ông Trần Công P bị thu hồi căn cứ theo Bản đồ vị trí xác định theo Khu I, khu II do Sở địa chính Thành phố Hồ Chí Minh xác lập số 17795 nằm trong phần diện tích 3.811.020m^2 bị thu hồi theo Quyết định 426 do Thủ tướng Chính phủ thu hồi có đủ cơ sở pháp lý, phần đất ông P ghi trong Quyết định 2536 là khu IV do chủ đầu tư phân chia ra từ phần thu hồi, căn cứ quyết định 2536 phía ông P đã được tổ chức bồi thường, hỗ trợ đầy đủ, đúng pháp luật, ông P đã nhận xong. Về căn cứ để ban hành quyết định 2536 theo Luật Đất đai năm 1993, Nghị định 22/1998 do dự án đang được thực hiện trong thời điểm luật có hiệu lực. Về vị trí đất bị thu hồi căn cứ theo Bản đồ số 2, tài liệu 299 thì thửa 274 của ông P thuộc diện tích 3.811.020m^2 xác lập theo vị trí khu I, quyết định số 17795 do Sở Địa chính xác lập nằm trong Quyết định thu hồi 426, sở dĩ trong Quyết định 2536 ghi khu IV do phê duyệt theo Quyết định 687 ngày 21/02/2009 thì mới chia làm 4 khu nhưng vẫn thuộc chung trong khu đất bị thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Dự án Công viên lịch sử Văn hóa – Dân tộc được thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ số 426, Ủy ban nhân dân Quận I đã tổ chức thực hiện bồi thường hỗ trợ và chi trả cho ông P đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Ông P kháng cáo cho rằng vị trí thu hồi không đúng, trình tự không đúng, không đảm bảo quyền lợi cho ông P là không có cơ sở, không có chứng cứ gì mới đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Công P đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

- Ngày 17/12/2021 và ngày 12/01/2022, ông Trần Công P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P; hủy Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P; hủy Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh gia hạn thời hạn thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Đối với Quyết định số 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 đại diện người khởi kiện xác định nhận và thực hiện trong năm 2010, ngày 13/01/2022 ông P nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên đây là Quyết định hành chính có liên quan đến quyết định cưỡng chế bị kiện nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông P là chưa đúng theo Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên cấp phúc thẩm vẫn xem xét, đánh giá quyết định 2536 trong cùng với các nội dung bị kiện.

- Đối với các Quyết định số: 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về việc gia hạn thời hạn cưỡng chế, ông Trần Công P khởi kiện chưa quá 01 năm nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Công P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định: do hộ ông Trần Công P không chấp hành Quyết định 426/QĐ-TTg ngày 20/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi đất và giao đất cho Công ty C - Văn hóa dân tộc, Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-TTg và Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H điều chỉnh Quyết định 5446/QĐ-UBND đã có hiệu lực pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận I ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 và Quyết định số 949/QĐ-UBND và ngày 11/02/2022 về gia hạn quyết định cưỡng chế đối với hộ ông Trần Công P là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 69, 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Công P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Về vị trí đất bị thu hồi: Quyền sử dụng nhà đất có diện tích 998m^2 thuộc thửa 452-2 tờ bản đồ số 9 có địa chỉ số A ấp T, phường L, Quận I nay là thành phố T của gia đình ông Trần Công P quản lý sử dụng thuộc Dự án đầu tư xây dựng công viên lịch sử văn hóa dân tộc tại phường L được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số: 298/TTg ngày 08/5/1997. Ngày 20/5/1998,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 426/QĐ-TTg về việc giao đất cho Công ty Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc Thành phố H để đầu tư xây dựng Công viên Lịch sử văn hóa dân tộc tại phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thu hồi 3.811.020m^2, đồng thời giao Ủy ban nhân dân Thành phố H hướng dẫn thực hiện việc đền bù thiệt hại cho các chủ sử dụng đất có đất bị thu hồi, giải tỏa mặt bằng đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình, được điều chỉnh bổ sung bởi Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Đối với vị trí phần đất của ông Trần Công P bị thu hồi thửa 452-2 tờ bản đồ số 9 thuộc trong phạm vi dự án được duyệt và các quyết định thu hồi, điều chỉnh 426, 5446, 3884 cụ thể phần đất của ông P nằm trong Bản đồ vị trí xác định theo Khu I, Khu II do Sở địa chính Thành phố H xác lập quyết định số 17795 kèm theo Quyết định 426 do Thủ tướng Chính phủ thu hồi; tại Quyết định 2536 ghi khu IV là do Quyết định 687 ngày 21/02/2009 phê duyệt dự án phân chia phần đất trên thì mới chia làm 4 khu nhưng vẫn thuộc chung trong khu đất bị thu hồi, ông P cho rằng phần đất của ông thuộc Khu IV không thuộc Khu I, Khu II theo Quyết định thu hồi 426 nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Và việc Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành các Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-TTg và Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H điều chỉnh Quyết định 5446/QĐ-UBND về các diện tích thu hồi thì phần đất của ông P cũng không nằm ngoài phạm vi đã thu hồi đất theo Quyết định 426 của Thủ tướng Chính phủ.

[3.2.2] Về việc ban hành quyết thu hồi đất cụ thể: Căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Quyết định số 31/2003/UBND ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố H không quy định bắt buộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quyết định thu hồi đất và tại khoản 2 Công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ T6 có nội dung *"Trường hợp Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có quyết định thu hồi đất trước Luật Đất đai năm 2003 nhưng việc bồi thường chậm thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng không phải ban hành quyết định thu hồi đất với hộ gia đình, cá nhân,..."* nên Ủy ban nhân dân quận I không ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp này là có cơ sở.

[3.2.3] Xét quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Ngày 13/3/2003, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quy định kèm theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng C Văn hóa dân tộc tại Quận I, đây chính là phương án bồi thường của dự án đã được triển khai, họp dân, tổ chức thực hiện. Ngày 21/10/2009, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 2536/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P trong Dự án đầu tư xây dựng C (khu IV) tại phường L với số tiền là 751.907.000 đồng và 02 nền đất tái

định cư. Ông P đã nhận tiền ngày 12/01/2010 và ngày 28/01/2010, Ban Q bàn giao 02 nền đất xây dựng nhà ở (số lô A7 nền số E) trong Khu tái định cư L, phường L cho hộ ông Trần Công P. Ngày 22/3/2010, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 263/QĐ-U về việc công bố giá trị hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng của hộ ông Trần Công P trong dự án đầu tư xây dựng C văn hóa dân tộc. Ông P đã nhận số tiền là 376.659.000 đồng vào ngày 27/4/2011. Như vậy, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông P thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, ông P đã nhận và sử dụng toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với nhà, đất bị thu hồi, giải tỏa từ năm 2011, không khiếu nại đối với các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ông P cho rằng Quyết định 2536 căn cứ Quyết định số 35 đã hết hiệu lực. Song, căn cứ theo khoản 2 Điều 50 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 *" Đối với những dự án, hạn mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhưng dự án hạn mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này"*. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận I ban hành quyết định 2536 áp dụng các căn cứ pháp luật làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật về căn cứ pháp lý và quyền lợi hợp pháp chính đáng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông P về việc hủy các quyết định bồi thường, hỗ trợ để thực hiện lại.

[3.2.3] Xét quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Quyết định 426/QĐ-TTg ngày 20/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 02/10/2013, Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và Quyết định 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009, Quyết định 263/QĐ-UBND-BBT ngày 22/3/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I đã có hiệu lực pháp luật, chính quyền địa phương đã tiến hành vận động ông P đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhận dân Quận 9 ban hành Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P để thực hiện Quyết định 426/QĐ-TTg ngày 20/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 5446/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố H là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, ông P không chấp hành và Ủy ban nhân dân thành phố T cũng chưa thực hiện việc cưỡng chế. Ngày 28/6/2021 và ngày 11/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T tiếp tục ban hành các Quyết định số 3136/QĐ-UBND và số 949/QĐ-UBND về gia hạn quyết định cưỡng chế để tiếp tục vận động, thuyết phục người bị thu hồi đất phối hợp thực hiện, tự nguyện bàn giao mặt bằng là đúng quy định của pháp luật Đất đai. Việc ông P, bà T2 có người đại diện là ông T, ông L yêu câu hủy quyết định 3136/QĐ-UBND ngay 28/6/2021 và các quyết định liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi đất bao gồm Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 và 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở, ông P kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P. Đối với Quyết định số 2536/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P cấp sơ thẩm đình chỉ do hết thời hiệu và không xem xét quyết định hành chính có liên quan là không đúng, nhưng với nhận định trên quyết định 2536 được ban hành đúng trình tự, thủ tục luật định và đảm bảo về nội dung nên việc vi phạm của cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, không làm thay đổi hậu quả pháp lý nên không cần thiết phải hủy nhưng phải sửa án phần quyết định này chấp nhận một phần kháng cáo của ông P.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp về nội dung nhưng không phù hợp một phần cách tuyên như phần nhận định trên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông Trần Công P được chấp nhận một phần nên không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 241; khoản 2 Điều 193; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Công P, Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 2150/2023/HC-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể tuyên:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 60; Điều 116; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 173; khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2003 và năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công P về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Công P;

- Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 2536/QĐ-UBND-BBT ngày 21/10/2009 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Công P trong Dự án đầu tư xây dựng C (khu IV) tại phường L, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Công P không phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (25b-TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh